

Bản án số: 154/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-11-2019

*V/v “Tranh chấp về nuôi con của
nam, nữ chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Thắm

2. Ông Thái Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 598/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh C, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 11, ấp PĐ, xã P, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Thạch D, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Ấp TS, xã HT, huyện Tr, tỉnh V;

Tạm trú: Tổ 11, ấp PĐ, xã P, huyện G, tỉnh T.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-8-2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Thạch D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng anh chị chung sống đến nay không đăng ký kết

hôn.

Sau khi cưới, anh chị thuê nhà trọ tại Thành phố Hồ Chí Minh sống chung với nhau. Đến năm 2009, mẹ ruột chị có xây một căn nhà và kêu anh chị về ở cho đến nay. Thời gian đầu chung sống, anh chị thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2018 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, nguyên nhân do tính tình anh D ham vui, không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, không phụ giúp tiền nuôi con, thường xuyên đi sớm về muộn, có khi đi qua đêm không về nhà. Mỗi khi chị góp ý anh D đều cãi lại, không thừa nhận khuyết điểm của bản thân. Ngoài ra, anh D thường xuyên uống rượu, cờ bạc và ngoại tình. Anh chị vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm giữa anh chị không còn nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh D là vợ chồng.

Về nuôi con: Anh chị có 02 người con chung tên Thạch Thị Như Y, sinh ngày 09-8-2006 và Thạch Gia B, sinh ngày 21-11-2014. Hiện 02 cháu đang sống chung với chị và anh D. Chị yêu cầu được nuôi cả 02 người con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị chung sống không có tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-10-2019, bị đơn anh Thạch D trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của C về hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là đúng. Anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn. Nay chị C yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa chị C và anh, anh đồng ý.

Về nuôi con: Anh chị có 02 người con chung như chị C trình bày là đúng. Anh đồng ý giao 02 con cho chị C nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị C và anh D là vợ chồng; Về con chung: Giao chị C tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, anh D không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh C và bị đơn anh Thạch D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Thanh C và anh Thạch D là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Mặc dù chị C và anh D có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh D.

[3] Về nuôi con: Anh chị có 02 người con chung là Thạch Thị Như Y, sinh ngày 09-8-2006 và Thạch Gia B, sinh ngày 21-11-2014. Hiện 02 (hai) người con chung đang sống cùng với chị C và anh D. Chị C yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) người con chung, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, theo nguyện vọng của cháu Y là muốn được sống cùng với mẹ. Và anh D cũng đồng ý giao 02 (hai) người con chung cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hơn nữa, hiện nay chị C sinh sống bằng nghề buôn bán quán nước tại nhà, có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên cần giao chị C được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung là phù hợp theo Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị C không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận chị Lê Thị Thanh C và anh Thạch D là vợ chồng.

2. *Về nuôi con*: Giao chị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) người con chung là cháu Thạch Thị Như Y, sinh ngày 09-8-2006 và cháu Thạch Gia B, sinh ngày 21-11-2014. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà chị C đã nộp theo biên lai thu số 0009544 ngày 05-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯƠNG